

BỘ CHIÊNG M'NHUM

DÂN TỘC JARAI ĐÃ CÓ TỪ LÂU ĐỜI

THS - NHẠC SĨ ĐÀO HUY QUYÊN*

Lời TS: Gần đây có nhiều ý kiến tản mạn quanh hệ nhạc cụ này (Sau khi được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của Thế giới). Để góp phần hiểu rõ hơn về công chiêng. T/C.DSVH đã phỏng vấn nhạc sĩ Đào Huy Quyên, người đã có nhiều năm làm công tác văn hóa tại Tây Nguyên. Sau đây là phần trả lời của nhạc sĩ:

Hỏi: Thưa nhạc sĩ, ông là người đã tới Tây Nguyên rất sớm sau ngày đất nước thống nhất và gắn bó với nơi này trong 20 năm (1975 - 1995). Ông có thể cho biết công việc của các cuộc điền dã và ông đã đi được nhiều nơi ở vùng này chưa?

Đáp: Ngay sau ngày miền Nam giải phóng (30 - 4 - 1975) tôi đã có mặt ở Tây Nguyên, với nhiệm vụ làm phóng viên thường trú Báo Công an nhân dân tại Gia Lai - Kon Tum. Tôi đã theo chân các đội trinh sát, đội chống Fulrô có mặt ở nhiều buôn làng Tây Nguyên. Khi chuyển sang ngành Văn hoá tôi lại gắn với phong trào quần chúng. Đặc biệt khi tôi khởi xướng triển khai thực hiện một số đề tài nghiên cứu về văn hoá dân tộc thì công tác điền dã diễn ra thường xuyên. Do tính quy mô của các công trình

nghiên cứu, như: Địa chí Gia Lai, Văn hoá truyền thống các dân tộc Kon Tum, Văn học dân gian Gia Lai, Tiền sử Gia Lai, Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai, Nhạc khí dân tộc Jarai - Bahnar, Hệ thống hoá và phân loại các làn điệu dân ca Jarai, Bahnar càng làm cho tôi gắn bó với đồng bào để sưu tầm tư liệu. 20 năm ở Tây Nguyên, gần như tôi đã có mặt ở hầu khắp các buôn làng, từ vùng cực bắc Kon Tum ở chân núi Ngọc Linh nơi dân tộc Giẻ Triêng sinh sống ở Đăk Lây, đến các dân tộc B'rau, Rơ Măm, Sédang ở Kon Tum và nhất là với người Jarai, Bahnar ở tỉnh Gia Lai. Tôi đã ghi chép được hàng ngàn trang tư liệu, chụp hàng ngàn tấm ảnh về phong tục tập quán của người dân nơi đây và khi về công tác ở Viện Khoa học xã hội mới có điều kiện công bố. Những năm 80 khi còn học đại học ở Nhạc viện Hà Nội, tôi đã mời GS.TS Minh Khang, người thầy trực tiếp của tôi cùng với nhạc sĩ Y Đơn (Rơ Chăm Đơn) đi nghiên cứu nhiều chuyến ở vùng người Jarai, Bahnar. Tây Nguyên ngày ấy còn nguyên sơ đến lạ kỳ. Người dân tộc nơi đây còn giữ được một truyền thống văn hoá bản địa rất đậm đặc về trữ lượng và thể loại.

Riêng về công chiêng, gần như nhà nào cũng có một vài bộ, có nhà 5,6 bộ, rất ít nhà

* CÁN BỘ NGHIÊN CỨU VIỆN KHXH
VÙNG NAM BỘ

không có công chiêng. Các bạn thử lên một phép tính sơ bộ sẽ thấy công chiêng trong giai đoạn này ở đây phong phú đến cỡ nào. Cả tỉnh Gia Lai - Kon Tum có 1500 làng tộc người, mỗi làng chỉ tính khoảng 100 bộ, thì số lượng công chiêng ở vùng này sẽ là khoảng 150.000 bộ. Có thể nói thời kỳ này người dân Tây Nguyên có một truyền thống sử dụng công chiêng vào loại siêu đẳng. Đời sống của họ lúc nào cũng tràn ngập tiếng chiêng. Vui, đồng bào đánh chiêng, buồn cũng đánh chiêng, làm nhà mới cũng đánh chiêng, sinh đẻ cho đến tang ma đều đánh chiêng... Tiếng chiêng đã gắn bó với người dân Tây Nguyên theo suốt vòng đời và vòng cây trồng. Công chiêng là tín hiệu số một của người Tây Nguyên.

Rất tiếc ngày nay, công chiêng Tây Nguyên chỉ còn lại khoảng 10%. Rừng bị tàn phá, môi trường diễn xướng cũng theo đó mà mất dần. Cộng với đạo Tin Lành phát triển và theo sau đạo Tin Lành và các truyền thống văn hoá dân tộc bị lãng quên. Mặt khác vấn đề đô thị hoá cũng là một nguyên nhân làm cho công chiêng ngày càng cạn mòn. Nhờ nỗ lực của ngành Văn hoá - Thông tin nên đã có một kế hoạch bảo tồn khá mạnh mới giữ được số công chiêng còn lại như ngày nay.

Hỏi: Gần đây có người cho rằng M'nhum là tên bài chiêng, với nghĩa mời uống rượu, trong khi một số nhà nghiên cứu trong, ngoài nước và cả ông trong bài viết nghiên cứu của mình cũng khẳng định là có bộ chiêng M'nhum. Xin ông cho biết ý kiến về bộ chiêng M'nhum?

Đáp: Có bộ chiêng M'nhum chứ không có bài chiêng M'nhum.

Với người Jarai, mỗi công việc hệ trọng đều có những bộ chiêng riêng phục vụ cho các nghi thức ấy và đã trở thành quy định của cộng đồng. Ví dụ:

- Bộ chiêng Vang của Vua Lửa (Pơ Tau Pui) chỉ đánh khi đi cúng cầu mưa.
- Bộ chiêng A ráp là bộ chiêng múa.
- Bộ chiêng T'rum dùng để đánh trong lễ "xoay cột đâm trâu".
- Bộ chiêng M'nhum dùng để đánh khi uống rượu trong các lễ vui.
- Bộ chiêng Knáh Ring dùng trong lễ cầu mong sức khoẻ... và...

Riêng bộ chiêng M'nhum, được người Jarai biên chế và sử dụng phục vụ cho các nghi thức

uống rượu cần. Mỗi bộ chiêng tồn tại đến ngày nay không phải nó ra đời một cách ngẫu nhiên mà đều có nguồn gốc của nó. Cũng như phong tục dựng nhà mồ, đẽo tượng mồ cho người chết trong lễ bỏ mả (Pơ thi), được xuất phát từ quan niệm về tín ngưỡng hồn ma; rằng cuộc sống luôn có hai thế giới song song tồn tại. Chính từ quan niệm ấy mà một dòng nghệ thuật điêu khắc gỗ ra đời, với ý niệm người sống làm cho người chết mang dùng ở thế giới bên kia.

Cũng tương tự như thế, bộ chiêng M'nhum mà người Jarai biên chế và sử dụng được xuất phát từ một phong tục văn hoá rượu cần. Rượu cần là thức uống phổ biến và ít thay đổi của người Jarai nói riêng và Tây Nguyên nói chung. Khách quý đến nhà mời uống rượu, các nghi lễ theo vòng đời người, vòng cây trồng và các nghi lễ cộng đồng khác không bao giờ thiếu vắng rượu cần. Người ta uống rượu cần quanh năm, suốt tháng. Người người uống rượu, nhà nhà uống rượu, cả làng, cả cộng đồng đều uống rượu. Vui uống rượu, buồn cũng uống, việc sống, chết đều uống... Rượu cần đã trở thành phong tục tập quán có một vị trí đặc biệt trong đời sống như thế, nên trước đây chung quanh nhà của người Jarai dựng chạt các ghè rượu. Công chiêng, ghè rượu là tài sản quý, sau đó mới đến trâu, bò, lúa, gạo. Sau mỗi mùa tuốt lúa, nhất là trong dịp lễ tết, đồng bào giã gạo, ủ rượu cần uống thoải thê, không cần nghĩ lo mùa sau mưa bão, mất mùa sẽ sống bằng gì?

Công chiêng gắn bó với người Jarai như người Jarai gắn bó với rượu cần vậy. Nó như hình ảnh cây tre gắn bó với người Việt trong các làng xóm thân yêu. Công chiêng đã ăn ở với người Tây Nguyên đời đời, kiếp kiếp. Nó thể hiện đầy đủ tâm tư, tình cảm, vui buồn, đau thương, căm giận của họ. Công chiêng còn có giá trị kinh tế cao, biểu hiện sự hùng mạnh và chiến thắng của con người nơi đây.

Vì những lẽ đó, người Jarai đã biên chế một chiêng riêng phục vụ cho phong tục uống rượu cần (bộ chiêng M'nhum), một kiểu chơi tốn kém và tao nhã, được cả cộng đồng từ già, trẻ, trai, gái, cả nam lẫn nữ đều ưa chuộng.

Về chi tiết của bộ chiêng M'nhum

Bộ chiêng M'nhum có 2 bộ phận chính:

- 1 - Bộ phận đánh đệm gồm 3 công có núm, được gọi là chiêng Kđo. Chiếc trầm nhất gọi là Ania, chiếc trung bình gọi là Knak và chiếc nhỏ

nhất gọi là Moong. Phần đệm này âm thanh cũng được chia làm 3 tầng. Chiếc Ania đi bè trâm, gọi là bè Ania, chiếc Knak đảm nhiệm bè trung, gọi là bè Mdu, chiếc Moong đảm nhiệm bè cao, gọi là Pót.

2 - Bộ phận đảm nhiệm phần giai điệu gồm 6 chiếc chiêng bằng, trong đó 3 chiếc giữ vai trò chính và 3 chiếc phụ. Nếu tính từ chiếc lớn nhất đến chiếc nhỏ nhất, đồng bào gọi như sau:

- Knah Tuk giữ nhiệm vụ bè trâm của phần giai điệu, gọi là bè Knah Di.

- Knah Hri giữ nhiệm vụ bè trung của phần giai điệu, gọi là bè Knah Hliang.

- Knah Hloong giữ nhiệm vụ cao của phần giai điệu, gọi là bè Knah Khơc.

Phần giai điệu còn có 3 chiếc phụ, thường không có tên gọi riêng cụ thể mà chỉ gọi là chiêng đánh theo. Ba chiếc này phụ thuộc hoàn toàn vào 3 chiếc chính của phần giai điệu. Khi diễn tấu 3 chiếc phụ phải đánh theo âm hình tiết tấu của chiêng Knah Khơc và chiêng Knah Hori. Ngoài ra chúng còn giữ nhiệm vụ đánh hoà âm. Có khi người ta lấy tên của bè dẫn dắt Knah Khơc, hay Knah Hori để gọi bộ phận phụ này. Bởi vì tiếng chiêng Knah Khơc vang xa, lạnh lốt, được xem như bè dẫn dắt phần giai điệu nên đồng bào lấy tên của nó đặt tên cho toàn bộ phần giai điệu của bộ chiêng M'nhum.

Ngoài 2 bộ phận chính nói trên khi diễn tấu bộ chiêng M'nhum, thường được biên chế thêm một chiếc chiêng bằng rất lớn, gọi là chiêng Sar và một bộ trống cái đánh giữ nhịp. Bộ chiêng M'nhum này chính tôi và GS.TS. Minh Khang cùng nhạc sĩ Y Đơn đã đến sưu tầm tại nhà bà Oát ở ngoại ô thị trấn Ayunpa, tỉnh Gia Lai năm 1988. Chiếc chiêng Sar trong bộ chiêng M'nhum này có đường kính 1,2m.

Về bài chiêng "mời uống rượu" thì có rất nhiều bài khác nhau, nhưng không có bài nào là M'nhum cả. Theo tiếng Jarai, chữ M'nhum không phải là bài chiêng "mời uống rượu" như một vài người lầm tưởng, mà là tên một bộ chiêng dùng trong nghi thức uống rượu. Để chỉ việc uống rượu, người Jarai gọi là *Monũm topai*. (Romah Del - Từ điển Việt - Jarai, trang 516, 663 - NXB.KHXH. 1977). Vì thế, có người mới nghe được một vài bài chiêng "Monũm topai" (uống rượu) thì vội vàng cho rằng chỉ có

bài chiêng uống rượu. Nhưng thực tế người Jarai đã định hình và tồn tại bộ chiêng M'nhum và nhiều bài chiêng monũm topai trong đời sống (Trong chữ Monũm, dấu ngã nằm trên chữ n, nhưng do máy tính không thực hiện được).

Hỏi: Kích thước của chiêng M'nhum theo nhạc sĩ Y Đơn và nhà ngôn ngữ học Romah Del cho rằng có đường kính từ 1,5 đến 2m. Ông nói chiêng Sar có đường kính 1,2m. Xin ông cho biết ý kiến về vấn đề này.

Đáp: Về kích thước cổng chiêng ở Gia Lai - Kon Tum theo tôi được chứng kiến thì chỉ có chiêng Sar (một loại chiêng bằng không có núm) là lớn nhất. Cổng lớn nhất chỉ có đường kính 80 - 90cm. Chiếc chiêng Sar mà tôi được chứng kiến tại nhà bà Oát cùng với GS.TS. Minh Khang và nhạc sĩ Y Đơn có đường kính 1,2m. Còn nhạc sĩ Y Đơn và nhà ngôn ngữ học Romah Del công bố dữ liệu chiêng Sar có đường kính 1,5 - 2m là có cơ sở, bởi hai tác giả này đều là trí thức của tộc Jarai, đã từng sống, chết với cổng chiêng. Đồng thời những nghiên cứu của họ đều trùng hợp với một số học giả Pháp nghiên cứu về bộ chiêng M'nhum từ giữa thế kỷ XX. Theo tôi, đó là những cứ liệu đáng tin cậy hơn cả. Bởi vì nhà dân tộc học nổi tiếng người Pháp, ông Jacques Dournes đã từng điền dã ở Tây Nguyên hàng chục năm, không thể nói sai sự thật. Nhạc sĩ Y Đơn và nhà ngôn ngữ học Romah Del cũng không vì cố gì mà phóng đại đường kính cổng chiêng của tộc người mình. Còn có ý kiến nói 1,5 - 2m chỉ là chu vi của chiêng chứ không phải đường kính là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi một chiếc chiêng có đường kính 70cm đã có chu vi tới 2,2m rồi, nếu đường kính 1m thì chu vi sẽ là 3,1416m.

Hỏi: Chiêng "chi đấm" đường kính 20 cm thì đấm có kêu không. Xin ông cho biết thực hư thế nào?

Đáp: Tôi không bao giờ có khái niệm phân loại ra chiêng *chi đấm* và chiêng *chi gõ*, bởi đồng bào Tây Nguyên cũng không chia ra các chi như thế. Tất cả các tộc người ở Tây Nguyên chỉ có 2 loại: cổng có núm và chiêng bằng không có núm. Cổng có núm, chiêng bằng không núm được biên chế chung trong một bộ hoặc biên chế riêng từng bộ là tùy ở mỗi tộc người, mỗi nhóm, mỗi vùng. Còn *gõ* hay *đấm* là

cách đánh của từng tộc mà thôi.

Ví dụ: tất cả các tộc người ở Bắc Tây Nguyên như: Giẻ Triêng, B'râu, Rơ Măm, Sédang, Jarai, Bahnar và Ê Đê ở Đăk Lăk đều dùng dùi để đánh chiêng. Công thì đánh bằng dùi có quấn vải mềm hoặc cao su, có khi được bọc bằng mây, bên trong nhồi bông gòn. Trước đây người ta còn dùng dái con trâu, con dê, nhồi giẻ, cắm một đoạn gỗ vào làm cán để đánh công. Chiêng bằng thì đánh bằng một đoạn gỗ mềm. Trái lại, các tộc phía Nam Tây Nguyên như: M'nông, S'tiêng, Mạ, Châu Ro, K'ho lại đánh chiêng bằng cách nắm tay lại *đấm* vào mặt chiêng bằng và núm của công. Cả công có núm và chiêng bằng đều dùng cách đánh chung như thế. Vì vậy, khái niệm phân loại chiêng *chi đấm* và chiêng *chi gõ* là không phù hợp với phong tục sử dụng công chiêng của người Tây Nguyên nói chung. Việc *đấm* hay *gõ* là cách đánh riêng của từng tộc người, như đã nói ở trên chứ không phải loại nào dùng để *đấm*, loại nào dùng để *gõ*.

Hỏi: Có ý kiến cho rằng chiêng có đường kính 20cm thì *đấm* không thể kêu?

Đáp: Theo tôi kêu hay không phụ thuộc vào người *đấm*. Chiêng to kêu to, chiêng nhỏ kêu nhỏ. Nếu nói về cách *đấm* chiêng của người M'nông ở Đăk Nông, người S'tiêng ở Bình Phước, người Châu Ro, Châu Mạ ở Đồng Nai, Lâm Đồng, tôi xin cung cấp một số thông tin: Các tộc người vừa kể trên đều có phong tục dùng tay để *đấm* chiêng (một tay *đấm*, một tay hãm âm thanh ở mặt sau). Trong các tộc này chỉ biên chế một bộ công (goong) gồm 5 chiếc có núm và một bộ chiêng (cing), gồm 6 chiếc chiêng bằng. Tất cả đều từ vừa đến nhỏ, không có công, chiêng có kích thước lớn như các tộc ở Bắc Tây Nguyên. Có những chiếc công hoặc chiêng rất nhỏ mà đồng bào *đấm* vẫn kêu và được dùng trong giàn chiêng hoà tấu.

Hỏi: Xin ông cho một vài ý kiến riêng?

Đáp: Tôi không hiểu vì lý do gì mà báo chí lại tốn công sức vì những điều đã và đang tồn tại một cách hiển nhiên trong đời sống của người Tây Nguyên. Tôi cho rằng: do hiểu biết về công chiêng Tây Nguyên quá ít nên mới có chuyện như vậy. Vì đó là những vấn đề "xưa như trái đất" của công chiêng Tây Nguyên mà ai cũng biết. Các nhà khoa học Pháp từ giữa thế kỷ XX đã đề cập đến bộ chiêng M'nhum với

đầy đủ số lượng, kích thước, từ khi chúng ta mới sinh ra. Những nhạc sĩ người dân tộc Jarai như Y Đơn đã "sống chết" với cái công, con chiêng Tây Nguyên từ đầu thế kỷ XX, cũng đã nói rõ điều ấy. Sau này nhà ngôn ngữ học Rơ Mah Del cũng đã nói đến bộ chiêng M'nhum. Còn chúng tôi sau ngày miền Nam giải phóng đã lăn lộn với đồng bào dân tộc. Đồng thời tôi là người đã sở hữu một bộ sưu tập công chiêng khá đầy đủ về Tây Nguyên, với gần 100 bộ, đủ các loại của hầu hết các dân tộc từ Bắc đến Nam Tây Nguyên. Những cuốn sách tôi biên soạn về nhạc khí học Tây Nguyên và các vùng khác đều được Hội Nhạc sĩ Việt Nam trao giải thưởng quốc gia về âm nhạc.

Bộ chiêng M'nhum đã trình bày ở trên, có tên tuổi cụ thể rõ ràng cho từng chiếc, từng nhóm hợp thành. Mỗi chiếc đều giữ một chức năng, nhiệm vụ riêng. Nó là một bộ chiêng, một "cơ thể sống" không thể thiếu trong kho tàng công chiêng của tộc người Jarai.

Tuy nhiên, hiện nay do tác động nhiều mặt, vốn văn hóa cổ truyền Tây Nguyên nói chung và công chiêng nói riêng chỉ còn lại khoảng 10% trong đời sống người dân. Vậy mà có một số ít người nào đó lại gạt bỏ bộ chiêng M'nhum ra khỏi danh mục công chiêng của người Jarai, khi tộc này đã biên chế và sử dụng qua nhiều thế hệ cha truyền, con nối. Đảng và nhân dân ta đang bảo tồn vốn âm nhạc truyền thống của dân tộc, thì ai đó lại không công nhận, đòi dẹp bỏ nó đi, bởi một lý do đơn giản là hiện nay họ đến Tây Nguyên không thấy bộ chiêng M'nhum trong đời sống người dân, họ đã phớt lờ những nghiên cứu của các học giả đi trước. Trước sự việc tưởng chừng như đơn giản ấy, chúng ta cần phải tin vào các học giả có tên tuổi và những người nghiên cứu đi trước, đã gắn bó cả đời với Tây nguyên.

Thiết nghĩ, văn hoá cổ truyền Tây Nguyên nói chung hay âm nhạc công chiêng nói riêng luôn còn là một ẩn số, chưa một nhà nghiên cứu nào có thể giải mã thấu đáo được. Dù đã lăn lộn với vùng Bắc Tây Nguyên 20 năm, nhưng với tôi vốn hiểu biết về công chiêng Tây Nguyên còn hạn hẹp.